

Bản án số: 255/2024/DS-PT
Ngày: 16/5/2024
V/v tranh chấp về dân sự
chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Ông Nguyễn Chí Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 tháng 5 và ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2024, về việc tranh chấp về dân sự - chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2024/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2024/QDDPT-DS ngày 09/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Lê Bình M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số B, Ấp A, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

2/ Lê Thị Hoài T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số nhà F, ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Lê Thị Thùy D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4/ Lê Thị Thanh T1 (Chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Lê Thị Thanh T1:

- Nguyễn Thụy L, sinh năm 1979 (chồng)
- Nguyễn Chí K, sinh năm 2004 (con)
- Nguyễn Thị Nhã T2, sinh năm 1998 (con).

Cùng địa chỉ: Số G, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

5/ Lê Phước C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà G, Ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6/ Lê Anh T3, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số nhà G, Tổ B, Khóm C, Phường F, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số F, đường N, Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1/ Lê Trần Hoàng D1, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A, đường T, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Trần Hoàng D1:

- Hồ Thanh H1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số F, đường C, khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Đường C, Tổ B, khóm M (trước đây là Thống L1, Tổ 13, khóm M), thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Lê Trần Hoàng C1, sinh năm 1976.

3/ Lê Trần Hoàng Y, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số nhà A, đường T, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Lê Thị H2, sinh năm 1946 (Đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị H2:

- Nguyễn Huyền C2, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A, Tổ B, Khóm A, Phường D, TP ., Đồng Tháp;

- Nguyễn Huyền T4, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số C, ấp Đ, khu dân cư Đ, xã T, thành phố S, Đồng Tháp.

2/ Lê Thị B, sinh năm 1950 (Đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị B:

- Nguyễn Minh V, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số nhà D, đường T, ấp H, xã H, thành phố C, Đồng Tháp.

- Nguyễn Phi Ái T5, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, lô E, ấp A, xã A, H. C, Đồng Tháp;

- Nguyễn Phi Ái T6, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số D, Tổ H, Phường F, thành phố C, Đồng Tháp.

3/ Lê Thị Ánh T7, sinh năm 1982.

4/ Lê Hoàng P, sinh năm 2008.

5/ Lê Huỳnh A, sinh năm 2012.

Người đại diện theo pháp luật của Lê Hoàng P và Lê Huỳnh A: Lê Thị Ánh T7, sinh năm 1982 (mẹ ruột).

Cùng địa chỉ: Số nhà A, Tổ A, Khóm B, Phường F, thành phố C, Đồng Tháp.

6/ Nguyễn Thị T8, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện C, Đồng Tháp.

7/ Nguyễn Văn S, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện C, Đồng Tháp.

8/ Nguyễn Thị H3, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện C, Đồng Tháp.

9/ Nguyễn Văn C3, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện C, Đồng Tháp.

10/ Nguyễn Văn T9, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp E, xã G, huyện C, Đồng Tháp.

11/ Nguyễn Văn C4, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ D, ấp T, xã N, huyện C, Đồng Tháp.

12/ Nguyễn Văn H4, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp F, xã G, huyện C, Đồng Tháp.

13/ Nguyễn Hùng V1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số D, Quốc lộ C, phường M, TP ., Đồng Tháp.

14/ Trần Thị Lệ S1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ A, Ấp E, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

15/ Nguyễn Thị Bích P1, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà E, Tổ E, Ấp B, xã M, TP ., Đồng Tháp.

16/ Nguyễn Thị Bích T10, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, Đồng Tháp.

17/ Nguyễn Thị Bích L2, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ C, Ấp F, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

18/ Nguyễn Giang Kiều T11, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số A, Tổ G, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

19/ Lê Vi Yên N1, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Số nhà A, Quốc lộ A, Khu phố A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

20/ Anh Nguyễn Trần Gia H5, sinh năm 2002.

21/ Nguyễn Ngọc Thiên N2, sinh ngày 17/6/2013.

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Ngọc Thiên N2: Bà Trần Thị Mộng N3, sinh năm 1983 (mẹ ruột).

Địa chỉ: Tổ D, khóm M, Phường C, TP ., Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Số nhà A, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Trần Gia H5, Trần Thị Mộng

N3: Bà Ngô Thị Kim X, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số nhà C, đường L, Tổ C, Khóm C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

22/ Lê Yên N4, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Số nhà A, Tổ C, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ông H, N, C1, C2, T6, chị X có mặt tại phiên tòa. Riêng N, C2, chị X vắng mặt tại phiên tòa ngày 16/5/2024. H1, H4, L2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Lê Bình M, Lê Thị Hoài T, Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thanh T1 (chết 2019 có chồng là Nguyễn Thụy L và các con là Nguyễn Chí K, Nguyễn Thị Nhã T2), Lê Phước C, Lê Anh T3 (có ông Lê Thanh H là người đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Cụ Trần Thị G là bà nội của các đồng nguyên đơn. Năm 1985, cụ G chết, để lại tài sản gồm diện tích đất 180m² đất thổ, thửa 194 và 680m², đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 803, cùng tờ bản đồ số 1, tọa lạc phường D, thành phố C. Khi còn sống, cụ G sống chung với ông Đ và cùng sử dụng đất này. Cụ G có 06 người con gồm: Bà Lê Thị S2, ông Lê Văn B1, bà Lê Thị C5, bà Lê Thị B, bà Lê Thị H2 và ông Lê Tấn Đ1. Sau khi cụ G chết, ông Đ1 sử dụng đất nêu trên, cụ G không có lập di chúc, nhưng khi còn sống cụ có nói để lại phần đất nêu trên cho ông B và ông Đ1, vì ông B và ông Đ1 là con trai. Sau khi cụ G chết thì ông B, ông Đ1, bà H2 và bà B cùng bàn bạc và thống nhất diện tích đất nêu trên là di sản của cụ G để lại và đồng ý cho ông B được sử dụng phần đất lâu năm, ông Đ1 được sử dụng đất thổ và để ông Đ1 tạm quản lý sử dụng diện tích đất nêu trên, mục đích là để dùng vào việc thờ cúng ông bà, cha mẹ khi nào cần thì ông B yêu cầu ông Đ1 chia.

Năm 1993 ông B chết, ông B có 06 người con gồm: Lê Bình M, Lê Thị Hoài T, Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thanh T1, Lê Phước C, Lê Anh T3, vợ ông B đã chết. Năm 1998, ông Đ1 yêu cầu các con của ông B làm thủ tục phân chia hai diện tích đất nêu trên nhưng sau đó do ông Đ1 bị bệnh nên không đi làm thủ tục phân chia được.

Năm 2012, ông Đ1 tiếp tục yêu cầu làm thủ tục phân chia hai diện tích đất

nêu trên và thỏa thuận khi làm thủ tục tách thửa xong chị M, chị T1, chị T, anh C, chị D, anh T3, ông Đ1 và bà X1 (vợ ông Đ1) cùng đến phòng công chứng làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất thì phòng công chứng yêu cầu các con của ông Đ1 đến cùng ký tên, nhưng các con của ông Đ1 không đến ký tên nên không được thực hiện.

Đến ngày 19/9//2012 (âm lịch), ông Đ1 chết, diện tích đất 180m² đất thổ và 680m² đất trồng cây lâu năm nêu trên do người thừa kế của ông Đ1 là bà X1 (vợ ông Đ1) và các con ông Đ1 gồm: Anh Dũng, anh C1, anh D2, chị Y tiếp tục quản lý và sử dụng, đến nay bà X1 và anh D2 đã chết.

Nay chị M, chị T, chị D, chị T1 (chết 2019 có chồng là Nguyễn Thụy L và các con là Nguyễn Chí K, Nguyễn Thị Nhã T2), anh C, anh T3 yêu cầu anh D1, anh C1, chị Y, chị T7 chia thừa kế phần di sản của cụ G để lại 680 m² đất trồng cây lâu năm nêu trên. Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án được biết: Năm 2002, ông Đ1 đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn S3 diện tích đất 98,7m², nên còn lại 556,8 m² đất trồng cây lâu năm, khi làm đường, vỉa hè và đường đi từ nhà anh D1, nên diện tích còn lại là 509,3m².

Chị M, chị T, chị D, chị T1, anh C, anh T3 (người đồng thừa kế của ông Lê Văn B1), yêu cầu anh D1, anh C1, chị Y và T7 chia thừa kế kỷ phần của ông B1 được hưởng di sản của cụ G, diện tích 509,3 m² đất trồng cây lâu năm, thửa 803, tờ bản đồ số 1 (thửa mới là 456, 457, 468, tờ bản đồ số 6), tọa lạc phường D, thành phố C, do các đồng nguyên đơn đã xác định theo sơ đồ xem xét tại chỗ ngày 01/11/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C; đối với toàn bộ diện tích đất còn lại gồm 180m² đất thổ, thuộc thửa 194, tờ bản đồ số 1, tọa lạc phường D, thành phố C và diện tích đất trồng lâu năm gắn với đường đi vào nhà anh D1 là của ông Đ1 được hưởng từ cụ G. Chị M, chị T, chị D, chị T1, anh C, anh T3 đồng ý để những người đồng thừa kế của ông Đ1 được hưởng và được đăng ký quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn có đơn yêu cầu bổ sung, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 680 m² thuộc thửa 803 là do không hiểu biết pháp luật. Sau đó, ông H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 509,3m² nêu trên, không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 680m².

Tại phiên tòa, ông H đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 239,6m² trong phạm vi các mốc G, 2, 3, 4, 5, T, G thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường D, thành phố C và yêu cầu được sở hữu các cây trồng trên thửa đất 456; không yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích đất ở đô thị.

- Bị đơn Lê Trần Hoàng D1, Lê Trần Hoàng C1, Lê Trần Hoàng Y (ông D1 có ông Hồ Thanh H1, Nguyễn Hoàng N đại diện theo ủy quyền) trình bày: Ông Lê Tấn Đ1 chết năm 2012, bà Trần Ngọc X2 chết năm 2015. Ông Đ1 và bà X2 có 04 người con gồm: Lê Trần Hoàng D1, Lê Trần Hoàng C1, Lê Trần Hoàng D3 (chết năm 2016), Lê Trần Hoàng Y.

Diện tích đất 680m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 803, và diện tích 180 m² đất thổ, thửa 194, tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại phường D, thành phố C là tài sản của ông Đ1 và bà X2, bởi năm 2001 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Tấn Đ1 đứng tên. Năm 2002, ông Đ1 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn S3 với diện tích đất là 98,7m² đất lâu năm, diện tích đất còn lại là 761,3m². Năm 2012, ông Đ1 chết, sau khi ông Đ1 chết thì bà X2 làm thủ tục thừa kế và đăng ký đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Diện tích đất tranh chấp nêu trên là của ông Đ1 và bà X2 để lại do bà Trần Ngọc X2 hiện đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã tách thành 5 thửa, gồm thửa 456, 457, 466, 467 và 468, tờ bản đồ số 6, với tổng diện tích đất là 761,3m², trong đó diện tích đất trồng cây lâu năm là 581m² và đất ở đô thị là 180m². Anh Dũng, anh C1, chị Y không xác định được nguồn gốc diện tích đất tranh chấp có từ đâu và cũng không biết việc ông Đ1 hứa chia 680m² đất trồng cây lâu năm cho các con ông Lê Văn B1. Anh Dũng, anh C1, chị Y chỉ biết năm 2012 ông Đ1 tách thửa để chia cho 04 người con nhưng chưa thực hiện việc tách thửa đất xong thì ông Đ1 chết. Sau khi ông Đ1 chết thì bà X2 đứng tên quyền sử dụng đất và tiếp tục tách thêm thửa đất để chia đủ cho 04 người con và bà X2 giữ lại một thửa có căn nhà nhưng chưa kịp làm thủ tục thì bà X2 chết.

Năm 2013, bà X2 có cho bà Nguyễn Thị H6 thuê diện tích đất tranh chấp để xây dựng nhà trẻ tư thực, thời hạn thuê là 05 năm từ năm 2013 đến năm 2018. Nay đã thanh lý hợp đồng xong, bà H6 đã di dời toàn bộ tài sản trên đất.

Anh Dũng, anh C1, chị Y cho rằng các nguyên đơn không có chứng cứ, chứng minh đất tranh chấp là của cụ G để lại, đất này là tài sản của ông Đ1 và bà

X2 để lại cho 04 người con gồm Lê Trần Hoàng D1, Lê Trần Hoàng C1, Lê Trần Hoàng Y, Lê Trần Hoàng D3 (chết năm 2016). Ông Đ1 và bà X2 cũng đã quản lý và sử dụng đất ổn định lâu dài nên anh D1, anh C1, chị Y không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà M, bà T, chị D, chị T1, anh C, anh T3.

Đối với giá trị diện tích đất tranh chấp: A, anh C1, chị Y thống nhất theo giá Công ty cổ phần giám định và thẩm định tài sản Việt Nam kết luận.

Anh Dũng, anh C1, chị Y và chị T7 sẽ tự thỏa thuận với nhau phân di sản của ông Đ1 để lại, không yêu cầu chia thừa kế của ông Đ1 trong vụ án này.

- **Bà Lê Thị H2 và bà Lê Thị B trình bày:** Năm 1985, cụ Trần Thị G chết để lại diện tích đất 180m² đất thổ, thửa 194 và 680m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 803, tờ bản đồ số 1, tọa lạc Phường D, thành phố C. Khi cụ G còn sống bà có nói chia phần đất trên cho ông B và ông Đ1, không xác định cụ thể mỗi người là bao nhiêu. Sau khi cụ G chết thì ông Đ1 sử dụng đất. Ông B và ông Đ1, bà H2 và bà B cùng thống nhất diện tích đất nêu trên là di sản của cụ G để lại và đồng ý để cho ông B và ông Đ1 được sử dụng, đồng thời để ông Đ1 tạm quản lý sử dụng, khi nào ông B cần thì yêu cầu chia. Bà H2 và bà B không yêu cầu chia phần diện tích đất nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H2 chết vào năm 2018 và bà B chết vào năm 2019.

- **Chị Nguyễn Huyền C2, Nguyễn Huyền T4 (con bà Lê Thị H2) trình bày:** Chị C2 và chị Huyền T4 thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về hàng thừa kế và nguồn gốc phần đất tranh chấp. Năm 2018, bà H2 đã chết, bà H2 có 02 người con gồm: Nguyễn Huyền C2, Nguyễn Huyền T4. Chị C2 và chị Huyền T4 không yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ G, nếu pháp luật quy định chị có quyền thì chị cũng khước từ nhận di sản của cụ G.

- **Anh Nguyễn Minh V, Nguyễn Phi Ái T5 và Nguyễn Phi Ái T6 (con của bà Lê Thị B) trình bày:** Thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về hàng thừa kế và nguồn gốc phần đất tranh chấp. Diện tích đất tranh chấp nêu trên là di sản của cụ G để lại, anh V và chị T6 không yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ G và nếu pháp luật quy định anh, chị có quyền thì cũng khước từ nhận di sản của cụ G, để cho những người con của ông Đ1 và ông B được hưởng.

- **Ông Nguyễn Hùng V1 (con của bà S2) trình bày:** Ông V1 thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về hàng thừa kế và nguồn gốc phần đất tranh

chấp. Ông V1 là con của bà Lê Thị S2, là cháu ngoại của cụ G, ông không yêu cầu chia di sản của cụ G, dù pháp luật quy định ông có quyền thì ông cũng khước từ nhận di sản của cụ G.

- **Chị Nguyễn Thị T8, Nguyễn Văn S, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Văn C3, Nguyễn Văn T9, Nguyễn Văn C4, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Thị Bích T10, Nguyễn Thị Bích L2, Nguyễn Thị Bích P1 (con của bà C5), trình bày:** Thống nhất với lời trình bày của các nguyên đơn về hàng thừa kế và nguồn gốc phần đất tranh chấp. Các anh chị đều là con của bà Lê Thị C5, là cháu ngoại của cụ G, các anh chị đều không có yêu cầu chia di sản của cụ G, dù pháp luật quy định có quyền thì cũng khước từ nhận di sản của cụ G.

- **Chị Lê Thị Ánh T7, Lê Hoàng P và Lê Huỳnh A (chị T7 đại diện theo pháp luật cho Hoàng P và Huỳnh A) trình bày:** Ông Lê Tấn Đ1 chết năm 2012, bà Trần Ngọc X2 chết năm 2015. Ông Đ1 và bà X2 có 04 người con gồm: Lê Trần Hoàng D1, Lê Trần Hoàng C1, Lê Trần Hoàng D3, Lê Trần Hoàng Y. Anh D3 chết năm 2016, có vợ là chị T7 và 02 người con: Lê Hoàng P và Lê Huỳnh A.

Diện tích đất tranh chấp nêu trên là của ông Đ1 và bà X2 để lại và hiện do bà Trần Ngọc X2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm 5 thửa: Thửa 456, 457, 466, 467, 468 với tổng diện tích đất là 761,3m², trong đó diện tích đất lâu năm là 581m² và đất ODT là 180m².

Chị T7 đại diện cho Lê Hoàng P2 và Lê Huỳnh A không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu chia thừa kế của ông Đ1 trong vụ án này, sau khi xét xử chị tự thỏa thuận với bị đơn phần của anh D3 được hưởng di sản của ông Đ1.

- **Bà Lê Thị Lệ S4 trình bày:** Bà S4 là con của ông B, bà S4 có yêu cầu chia di sản của ông B do cụ G để lại nhưng bà không khởi kiện trong vụ án này, bà và các anh em sẽ tự thỏa thuận chia thừa kế di sản của ông B do cụ G để lại.

- **Lê Yến N4 trình bày:** Chị Yến N1 và Yến N4 là con của Nguyễn Giang Thanh T12, cháu ngoại của bà Nguyễn Thị Lệ T13, cháu cô của bà Lê Thị S2, mẹ của bà S2 là cụ G. Chị N4 không có yêu cầu chia di sản của cụ G, dù pháp luật quy định có quyền thì cũng khước từ nhận di sản của cụ G.

- **Anh Nguyễn Trần Gia H5 và Nguyễn Ngọc Thiên N2 (có bà Ngô Thị Kim X đại diện theo ủy quyền) trình bày:** Anh Nguyễn Trần Gia H5 và Nguyễn Ngọc Thiên N2 là con của ông Nguyễn Gia T14 và bà Trần Thị Mộng N3, cháu

nội của bà Nguyễn Thị Lệ T13, cháu cô của bà Lê Thị S2, mẹ của bà S2 là cụ G. Năm 2018, ông T14 và bà N3 ly hôn tại Tòa án thành phố C (có quyết định của Tòa án). Năm 2019, ông T14 chết. Trường hợp cụ G có để lại di sản là phần đất tranh chấp tại Phường D, thành phố C mà bà Lê Thị S2 được nhận di sản thừa kế, bà Nguyễn Thị Lệ T13 nhận di sản thừa kế của bà S2 và anh H5 và chị N2 được nhận thừa kế thế vị của bà T13 thì anh chị yêu cầu được nhận di sản thừa kế theo quy định định pháp luật nhưng anh H5 và Thiên N2 không khởi kiện trong vụ án này, sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 16/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Bình M, chị Lê Thị Hoài T, chị Lê Thị Thùy D, chị Lê Thị Thanh T1, anh Lê Phước C, anh Lê Anh T3 (ông Lê Thanh H đại diện), yêu cầu anh Lê Trần Hoàng D1, anh Lê Trần Hoàng C1, chị Lê Trần Hoàng Y, chị Lê Thị Ánh T7 chia thừa kế diện tích đất 509,3m², nhưng nhận giá trị đất, với số tiền là 611.160.000 đồng.

- Buộc anh Lê Trần Hoàng D1, anh Lê Trần Hoàng C1, chị Lê Trần Hoàng Y, chị Lê Thị Ánh T7, Lê Hoàng P, Lê Huỳnh A (chị T7 đại diện cho P và Huỳnh A) cùng liên đới chia thừa kế cho chị M, chị T, chị D, chị T1, anh C, anh T3, với số tiền là 611.160.000 đồng.

- Anh Dũng, anh C1, chị Y, chị T7, Lê Hoàng P, Lê Huỳnh A (chị T7 đại diện theo pháp luật của P và Huỳnh A), được sử dụng và có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 736,8 m² trong phạm vi các mốc E, G, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, H, E theo biên bản và sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/11/2016 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, thuộc các thửa 456, 457, 466, 467, 468, tờ bản đồ số 6, tọa lạc phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, trên đất có căn nhà và cây trồng hiện do anh D1, anh C1, chị Y đang quản lý sử dụng. Anh Dũng, anh C1, chị Y, chị T7 phải chịu nghĩa vụ tài chính (nếu có).

Ngoài ra, bản án còn tuyên chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá; án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi án sơ thẩm xử, bị đơn kháng cáo ngày 17/01/2020, không đồng ý chia thừa kế.

Nguyên đơn kháng cáo ngày 30/01/2020, yêu cầu chia thừa kế bằng hiện vật, không đồng ý nhận giá trị.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 311/2020/DS-PT ngày 08/10/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử:

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2020/DS-ST ngày 16/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn.

Các nguyên đơn gồm Lê Bình M, Lê Thị Hoài T, Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thanh T1 (chết 2019 có chồng là Nguyễn Thụy L và các con là Nguyễn Chí K, Nguyễn Thị Nhã T2), Lê Phước C, Lê Anh T3 được chia thừa kế diện tích 239,6m² trong phạm vi các mốc G, 2, 3, 4, 5, T, G, đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và được sở hữu các cây trồng trên đất được chia; không phải trả giá trị đất chênh lệch và giá trị cây trồng trên đất được chia cho các đồng thừa kế của ông Lê Tấn Đ1.

Buộc các đồng thừa kế của ông Lê Tấn Đ1 gồm: Anh Lê Trần Hoàng D1, anh Lê Trần Hoàng C1, chị Lê Trần Hoàng Y, chị Lê Thị Ánh T7 và chị Lê Thị Ánh T7 là người đại diện theo pháp luật của Lê Hoàng P, Lê Huỳnh A có trách nhiệm giao cho các nguyên đơn gồm Lê Bình M, Lê Thị Hoài T, Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thanh T1 (chết 2019 có chồng là Nguyễn Thụy L và các con là Nguyễn Chí K, Nguyễn Thị Nhã T2), Lê Phước C, Lê Anh T3 phần đất diện tích 239,6m² trong phạm vi các mốc G, 2, 3, 4, 5, T, G, đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp và các cây trồng trên đất.

Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố C thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất: Diện tích 239,6m² trong phạm vi các mốc G, 2, 3, 4, 5, T, G, đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 6 cấp cho bà Trần Ngọc X2 ngày 15/5/2013 để cấp lại cho các nguyên đơn gồm Lê Bình M, Lê Thị

Hoài T, Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thanh T1 (chết 2019 có chồng là Nguyễn Thụy L và các con là Nguyễn Chí K, Nguyễn Thị Nhã T2), Lê Phước C, Lê Anh T3; đất tọa lạc tại Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/11/2016, ngày 22/4/2021; Sơ đồ đo đạc ngày 12/5/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp).

[2] Các đồng thừa kế của ông Lê Tấn Đ1 được quản lý, sử dụng và sở hữu căn nhà gắn liền với thửa đất số 467, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường D, thành phố C, Đồng Tháp.

[3] Đối với phần thừa kế của bà Trần Thị Lệ S1 trong kỷ phần thừa kế của ông Lê Văn B1; các ngôi mộ trên thửa đất 456 và phần đất ông Lê Tấn Đ1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn S3 diện tích 98,7m² đất trồng cây lâu năm tại thửa 803 (thửa mới là 870), các đương sự thống nhất không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tổng cộng là 10.501.000 đồng, các nguyên đơn tự nguyện chịu, các nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Thùy D được miễn nộp án phí sơ thẩm, chị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008083, ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Lê Bình M, Lê Thị Hoài T, Lê Thị Thanh T1 (chết 2019 có chồng là Nguyễn Thụy L và các con là Nguyễn Chí K, Nguyễn Thị Nhã T2), Lê Phước C, Lê Anh T3 liên đới chịu án phí là 7.287.500 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000 đồng theo biên lai số 04360, ngày 11/8/2016 và 1.200.000 đồng theo các biên lai số 0008082, 0008084, 0008085, 0008086, cùng ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Như vậy, chị M, chị T, chị T1 (chết 2019 có chồng là anh L và các con là K và T2), anh C, anh T3 còn phải liên đới nộp tiếp số tiền 5.237.500 đồng.

Anh Dũng, anh C1, chị Y, chị T7 và chị T7 là người đại diện theo pháp luật của Lê Hoàng P, Lê Huỳnh A phải chịu án phí là 27.405.800 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng, theo các biên lai số số 0008079, 0008080, 0008081, cùng ngày 31/01/2020. Như vậy, anh D1, anh C1,

chị Y, chị T7 và chị T7 là người đại diện theo pháp luật của Lê Hoàng P, Lê Huỳnh A còn phải liên đới nộp tiếp số tiền 26.505.800 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/12/2023, ông Lê Trần Hoàng D1, Lê Trần Hoàng C1, Lê Trần Hoàng Y là bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết:

- Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Vì vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế quyền sử dụng đất.

- Đề nghị Tòa án áp dụng giá đất theo Biên bản định giá ngày 03/6/2021 của Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, định giá thửa 456, 457, 458, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường D, thành phố C, giá 260.000 đồng/m². Bởi vì đây là giá trị thực tế của đất, phù hợp quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh N là người đại diện theo ủy quyền của anh D1, anh C1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Chị Lê Trần Hoàng Y là bị đơn có kháng cáo nhưng vắng mặt đến lần thứ 2 không có lý do.

Ông Lê Thanh H đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của các bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/5/2024 các nguyên đơn đồng ý hỗ trợ 20.000.000 đồng công sức tôn tạo, gìn giữ di sản và đồng ý thỏa thuận trả giá trị các loại cây trồng trên thửa đất 456 là 17.090.000 đồng để nhận các loại cây trồng do bị đơn trồng; các bị đơn đồng ý nhận hai khoản tiền nói trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án

Về tố tụng: bản án sơ thẩm chưa đưa ông Nguyễn Văn G1 chồng bà B1 là hàng thừa kế của bà Lê Thị B (chết 2019 - đang tham gia vụ án) tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà B là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, ở giai đoạn phúc thẩm đã thu thập bổ sung là ý kiến của ông G1 thì ông G1 có văn bản ý kiến là không khiếu nại, không tranh chấp thống nhất giao lại cho các con đã tham gia tố tụng, do đó không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm, và vụ án này đã hủy nhiều lần đã làm kéo dài, tại phiên tòa các đương sự cũng không yêu cầu hủy Bản án do thiếu tư cách đương sự là ông G1.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên chỉ có ông D1, ông C1, bà Y kháng cáo yêu cầu xác định thời hiệu chia thừa kế đã hết để bác yêu cầu nguyên đơn (hàng thừa kế ông B), áp dụng giá theo giá Hội đồng định giá 260.000đ/m² đất lâu năm. Tuy nhiên, đối với bà Y Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập bà Y nhưng bà Y vắng mặt 02 lần không lý do, nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Y.

Đối với kháng cáo của ông D1, ông C1 yêu cầu áp dụng về thời hiệu chia thừa kế quyền sử dụng đất. Xét thấy vụ án tranh chấp chia thừa kế từ năm 2016, do quá trình xét xử vi phạm nên bị hủy đưa về giải quyết lại kéo dài đến nay. Cụ N5 chết năm 1953, cụ G chết năm 1985 quy định về thời hiệu chia thừa kế là 30 năm, đối với những người chết trước ngày 10/9/1990 (Pháp lệnh chia thừa kế có hiệu lực) thì thời hiệu chia thừa kế tính từ ngày Pháp lệnh chia thừa kế có hiệu lực, nên thời hiệu yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này vẫn còn; tại phiên tòa ông D1, ông C1 trình bày nếu theo quy định pháp luật thời hiệu chia thừa kế vẫn còn thì yêu cầu xem xét lại cho đúng quy định pháp luật, và xem xét cây trồng trên đất của ông D1 trồng, công gìn giữ, tôn tạo đất của ông D1 từ năm 1985 đến nay. Nhận thấy, Bản án sơ thẩm chia thừa kế cho hàng thừa kế của ông B bằng hiện vật là diện tích đất 239,6m² là phù hợp, bởi phần đất này là 01 thửa riêng, trên đất chỉ có cây trồng của ông D1 nên việc chia đất không ảnh hưởng đến việc sử dụng phần đất khác của những hàng thừa kế còn lại; tuy nhiên Bản án sơ thẩm chưa xem xét trả giá trị cây, công gìn giữ, tôn tạo đất cho hàng thừa kế của ông D1 là chưa đảm bảo tính công bằng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương

sự. Tại phiên tòa phúc thẩm hàng thừa kế của ông B và ông Đ1 thống nhất giá trị cây là 17.090.000đ (theo biên bản xem xét, thẩm định và định giá); công gìn giữ, tôn tạo đất là 20.000.000đ, và hàng thừa kế của ông B đồng ý trả lại cho hàng thừa kế của ông Đ1 là phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo của ông D1, ông C1 yêu cầu áp dụng giá đất 260.000đ/m² đối với đất lâu năm theo Hội đồng định giá, xét thấy nếu áp dụng giá đất theo giá Hội đồng định giá thì đất ở là 5.600.000đ/m², đất LN 260.000đ/m² thì phần diện tích hàng thừa kế của ông B được chia tính theo giá trị đất lâu năm thì vẫn ít hơn phần thừa kế của 03 người còn lại (hàng thừa kế ông Đ1, bà S2, bà B). Và giá đất cũng không làm căn cứ để xem xét các nội dung kháng cáo khác của ông D1, ông C1.

Về án phí: bản án sơ thẩm tuyên buộc hàng thừa kế của ông Đ1 chịu 27.405.800đ là chưa phù hợp, bởi hàng thừa kế của ông Đ1 không yêu cầu chia thừa kế, cũng như yêu cầu phản tố công nhận QSDĐ; chỉ trình bày đất của ông Đ1 để lại vì ông Đ1 là người đứng tên Giấy CNQSDĐ và sử dụng. Do đó, hàng thừa kế của ông Đ1 không phải chịu án phí.

Từ phân tích trên nhận thấy Bản án sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 29/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tuyên là chưa phù hợp theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần kháng cáo của ông D1, ông C1 công nhận hàng thừa kế của ông B trả cho hàng thừa kế của ông Đ1 giá trị các loại cây trồng 17.090.000đ, công gìn giữ, tôn tạo di sản 20.000.000đ; hàng thừa kế của ông Đ1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Ông Lê Trần Hoàng D1, Lê Trần Hoàng C1, Lê Trần Hoàng Y là bị đơn kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

[1.2]. Đối với bà Lê Trần Hoàng Y là bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Vì vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế. Tuy nhiên, bà Y đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do thì được xem bà Y đã từ bỏ việc kháng cáo được quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc đối với yêu cầu kháng cáo của bà Y.

[2]. Ông Lê Trần Hoàng D1, Lê Trần Hoàng C1 bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Vì vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

Đề nghị Tòa án áp dụng giá đất theo Biên bản định giá ngày 03/6/2021, của Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, định giá thửa 456, 457, 458, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường D, thành phố C, giá 260.000 đồng/m². Bởi vì đây là giá trị thực tế của đất, phù hợp quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với việc ông D1, C1 yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do đã hết thời hiệu khởi kiện chia thừa kế là không có căn cứ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 về thời hiệu chia thừa kế “ Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế.....”. Trường hợp người khởi kiện chia thừa kế chết trước năm 1990, thời hiệu sẽ được tính từ ngày 10/09/1990 (ngày có hiệu lực của Pháp lệnh thừa kế số 44-LCT/HĐNN8). Vì vậy, đối với những trường hợp chết trước thời điểm Pháp lệnh thừa kế 1990 có hiệu lực (ngày 10/9/1990), thời hiệu khởi kiện chia thừa kế còn đến hết ngày 9/3/2023 nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông D1 và ông C1.

Đối với yêu cầu áp dụng giá đất theo Biên bản định giá ngày 03/6/2021 của Hội đồng định giá Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, định giá thửa 456, 457, 458, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường D, thành phố C, giá 260.000 đồng/m². Hội đồng xét xử xét thấy: Các nguyên đơn yêu cầu các đồng thừa kế của ông Lê Tấn Đ1 gồm: Anh Lê Trần Hoàng D1, anh Lê Trần Hoàng C1, chị Lê Trần Hoàng Y và chị Lê Thị Ánh T7 là người đại diện theo pháp luật của Lê Hoàng P, Lê Huỳnh A có nghĩa vụ giao hiện vật cho các nguyên đơn diện tích đất 239,6m² trong phạm vi các mốc G, 2, 3, 4, 5, T, G, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Tại phiên tòa phúc thẩm các nguyên đơn cũng thống nhất lấy theo giá của Hội đồng định giá là 260.000đồng/m². Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên đương phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông D1, C1.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/5/2024, các nguyên đơn đồng ý hỗ trợ 20.000.000 đồng công sức tôn tạo, giữ gìn di sản và đồng ý thỏa thuận trả giá trị các loại cây trồng trên thửa đất 456 là 17.090.000 đồng để nhận các loại cây trồng do bị đơn trồng; các bị đơn đồng ý nhận hai khoản tiền nói trên là phù hợp pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4]. Tòa án sơ thẩm tuyên buộc hàng thừa kế của ông Đ1 chịu 27.405.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là chưa phù hợp, bởi lẽ, hàng thừa kế của ông Đ1 không yêu cầu chia thừa kế, cũng như yêu cầu phản tố công nhận QSDĐ; chỉ trình bày đất của ông Đ1 để lại vì ông Đ1 là người đứng tên giấy CNQSDĐ và sử dụng. Ngoài ra, hàng thừa kế của cụ G còn có bà S2, bà C5, bà H2 (hàng thừa kế của những người này chưa có ý kiến rõ ràng). Do đó, hàng thừa kế của ông Đ1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp đã xử có căn cứ một phần nên sửa một phần bản án sơ thẩm như đã nhận định.

[6]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của ông D1, C1; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của ông D1, C1 được chấp nhận một phần nên ông D1, C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Trần Hoàng Y.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Trần Hoàng D1, Lê Trần Hoàng C1 đối với yêu cầu trả giá trị các loại cây do ông Đ1 trồng và công sức giữ gìn, tôn tạo di sản; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về áp dụng thời hiệu khởi kiện.

3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3.1 Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của các nguyên đơn.

- Các nguyên đơn gồm Lê Bình M, Lê Thị Hoài T, Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thanh T1 (chết 2019 có chồng là Nguyễn Thụy L và các con là Nguyễn Chí K, Nguyễn Thị Nhã T2), Lê Phước C, Lê Anh T3, Trần Thị Lệ S1 được chia thừa kế diện tích 239,6m² trong phạm vi các mốc G, 2, 3, 4, 5, T, G, đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Buộc các đồng thừa kế của ông Lê Tấn Đ1 gồm: Anh Lê Trần Hoàng D1, anh Lê Trần Hoàng C1, chị Lê Trần Hoàng Y, chị Lê Thị Ánh T7 và chị Lê Thị Ánh T7 là người đại diện theo pháp luật của Lê Hoàng P, Lê Huỳnh A có trách nhiệm giao cho các nguyên đơn gồm Lê Bình M, Lê Thị Hoài T, Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thanh T1 (chết 2019 có chồng là Nguyễn Thụy L và các con là Nguyễn Chí K, Nguyễn Thị Nhã T2), Lê Phước C, Lê Anh T3, Trần Thị Lệ S1 phần đất diện tích 239,6m² trong phạm vi các mốc G, 2, 3, 4, 5, T, G, loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Các đương sự được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có).

- Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất: Diện tích 239,6m² trong phạm vi các mốc G, 2, 3, 4, 5, T, G, loại đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 456, tờ bản đồ số 6, đất tọa lạc tại Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp cấp cho bà Trần Ngọc X2 ngày 15/5/2013 để cấp lại cho các nguyên đơn gồm Lê Bình M, Lê Thị Hoài T, Lê Thị

Thùy D, Lê Thị Thanh T1 (chết 2019 có chồng là Nguyễn Thụy L và các con là Nguyễn Chí K, Nguyễn Thị Nhã T2), Lê Phước C, Lê Anh T3, Trần Thị Lệ S1.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/11/2016, ngày 22/4/2021; Sơ đồ đo đạc ngày 12/5/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp).

3.2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên đương sự như sau:

- Các nguyên đơn gồm Lê Bình M, Lê Thị Hoài T, Lê Thị Thùy D, Lê Thị Thanh T1 (chết 2019 có chồng là Nguyễn Thụy L và các con là Nguyễn Chí K, Nguyễn Thị Nhã T2), Lê Phước C, Lê Anh T3, Trần Thị Lệ S1 đồng ý trả giá trị các loại cây trồng có trên thửa đất 456 với số tiền 17.090.000 đồng và hỗ trợ công sức gìn giữ, tôn tạo di sản là 20.000.000 đồng cho anh Lê Trần Hoàng D1, anh Lê Trần Hoàng C1, chị Lê Trần Hoàng Y, chị Lê Thị Ánh T7 và chị Lê Thị Ánh T7 là người đại diện theo pháp luật của Lê Hoàng P, Lê Huỳnh A để nhận các loại cây trồng có trên thửa 456 sử dụng.

- Anh Lê Trần Hoàng D1, anh Lê Trần Hoàng C1, chị Lê Trần Hoàng Y, chị Lê Thị Ánh T7 và chị Lê Thị Ánh T7 là người đại diện theo pháp luật của Lê Hoàng P, Lê Huỳnh A đồng ý nhận giá trị các loại cây trồng có trên thửa đất 456 với số tiền 17.090.000 đồng và hỗ trợ công sức gìn giữ, tôn tạo di sản là 20.000.000 đồng. Tổng cộng là 37.090.000 đồng và đồng ý giao các loại cây trồng có trên thửa 456 cho nguyên đơn sử dụng theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/11/2016, ngày 22/4/2021.

4. Chi phí xem xét, thẩm định và định giá tổng cộng là 10.501.000 đồng, các nguyên đơn tự nguyện chịu, các nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Thị Thùy D được miễn nộp án phí sơ thẩm, chị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008083, ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

- L, Lê Thị Hoài T, Lê Thị Thanh T1 (chết 2019 có chồng là Nguyễn Thụy L và các con là Nguyễn Chí K, Nguyễn Thị Nhã T2), Lê Phước C, Lê Anh T3, Trần Thị Lệ S1 liên đới chịu án phí là 7.287.500 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000 đồng theo biên lai số 04360, ngày 11/8/2016 và 1.200.000 đồng theo các biên lai số 0008082, 0008084, 0008085, 0008086, cùng ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Như vậy,

M, T, T1 (chết 2019 có chồng là anh L và các con là K và T2), anh C, anh T3, chị S1 còn phải liên đới nộp tiếp số tiền 5.237.500 đồng.

- Anh Dũng, anh C1, chị Y mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng, theo các biên lai số số 0008079, 0008080, 0008081, cùng ngày 31/01/2020 của Chi cục Thi hành án thành phố Cao Lãnh.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Chị Lê Trần Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000168 ngày 12 tháng 12 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Anh Lê Trần Hoàng D1, Lê Trần Hoàng C1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh D1 và anh C1 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000167, 0000169 cùng ngày 12 tháng 12 năm 2023, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

8. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 159/2023/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND TP Cao Lãnh;
- Chi Cục THADS TP Cao Lãnh;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước

